TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HS-ST
Ngày: 28.7.2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Trọng Mãnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Huỳnh Thị Ngọc Nh, sinh ngày 24/4/1999; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: huyện C P, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú: Căn 414, Tầng 5, Chung cư 460, đường N Q, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Phòng số 60-581/61, nhà trọ cho thuê Ông Tình tại Hẻm 174, đường N B K, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Ngọc L (Đã chết) và bà Lê Thị Hoài H; Có chồng: Nguyễn Tấn T; Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

2. Họ và tên: Dương Tấn K, sinh ngày 07/4/2000; Tên gọi khác: T; Nơi sinh: R G – Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 1317, đường N T Đ, khu phố V V, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2020 cho đến nay. (Có mặt).

* *Người chứng kiến*:

+ Trương Nhật A, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T T, xã T H, huyện T Hp, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Lê Xuân T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu phố H T K, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/02/2020 do có nhu cầu sử dụng ma túy, Huỳnh Thị Ngọc Nh một mình đi đến cầu treo xã T Th, huyện T Hp, tỉnh Kiên Giang giáp với huyện T S, tỉnh An Giang gặp một người tên P (không rõ tên thật, địa chỉ) mua 01 (một) bịch ma túy giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), đem về phòng trọ số 60-581/61 Nhà trọ cho thuê Ông Tình tại Hẻm 174, đường N B K, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cất giấu và để sử dụng dần. Đến khoảng 18 giờ ngày 19/02/2020, Dương Tấn K đến phòng trọ của Nh chơi và có sử dụng ma túy chung với Nh, sau khi sử dụng ma túy chung thì Nh phân ra 01 (một) bịch ma túy cho K cất giấu vào bóp (ví) da màu nâu của K để sử dụng, còn 01 (một) bịch ma túy thì Nh bỏ vào bóp (ví) da màu đen của Nh (sử dụng hàng ngày) để trên đầu giường Nh đang nằm. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì có Trương Nhật A đến phòng trọ của Nh chơi, khi đến nơi thấy Nh và K đang sử dụng ma túy nên Nhật A cùng vào sử dụng chung, sau đó cả ba người cùng ngủ lại phòng trọ của Nh.

Đến lúc 11 giờ 30 phút, ngày 20/02/2020, Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 4 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển phối hợp với Công an phường V Q, thành phố R G kiểm tra phòng trọ số 60-581/61 Nhà trọ cho thuê Ông Tình tại Hẻm 174, đường N B K, phường V Q, thành phố R G, bắt quả tang Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong bóp (ví) da màu đen của Nh để trên đầu giường Nh đang nằm 01 (một) bịch nylon kích thước khoảng 1,5x2,5cm bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt dạng rắn, không đồng nhất; thu giữ trong bóp (ví) màu nâu trong túi quần phía sau bên phải K đang mặc 01 (một) bịch nylon, kích thước khoảng 02x03cm, bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt dạng rắn, không đồng nhất. Đến ngày 25/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G khởi tố Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K để điều tra.

** Vật chứng thu được*:

- Thu giữ trong bóp (ví) da màu đen của Nh để trên đầu giường Nh đang nằm 01 (một) bịch nylon kích thước khoảng 1,5x2,5cm bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt dạng rắn, không đồng nhất, được niêm phong (M1);

- Thu giữ trong bóp (ví) màu nâu trong túi quần phía sau bên phải K đang mặc 01 (một) bịch nylon, kích thước khoảng 02x03cm, bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt dạng rắn, không đồng nhất, được niêm phong (M2);

- 02 (hai) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (một) cái bóp (ví) màu đen của Huỳnh Thị Ngọc Nh; 01 (một) cái bóp (ví) màu nâu của Dương Tấn K.

* Tại bản kết luận giám định số: 162/KL-KTHS ngày 24/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận về chất ma túy thu giữ của Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K như sau:

- Mẫu 01: Các hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,2398 gam.

- Mẫu 02: Các hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,5522 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

Tại bản Cáo trạng số: 111/CT-VKS ngày 19/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Nh từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Tấn K từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) phong bì niêm phong bên ngoài ghi Niêm phong mẫu vật, vụ số: 162/mẫu 01-2020; 162/mẫu 02-2020; ngày 24/02/2020, có chữ ký của giám định viên Lê Đức H và người chứng kiến Võ Ánh L, có dấu mộc đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh Kiên Giang.

+ 02 (hai) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

+ 01 (một) cái bóp (ví) màu đen của Huỳnh Thị Ngọc Nh và 01 (một) cái bóp (ví) da màu nâu của Dương Tuấn K.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nh và K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến gì khác.

Tại phần nói lời sau cùng bị cáo Nh và K trình bày: Các bị cáo đã nhận biết được hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sữa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo Nh và K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, người làm chứng và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K là người nghiện ma túy, loại ma túy sử dụng Methamphetamin (ma túy đá). Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào ngày 16/02/2020 Huỳnh Thị Ngọc Nh một mình đi đến

cầu treo xã T Th, huyện T Hp, tỉnh Kiên Giang giáp với huyện T S, tỉnh An Giang gặp một người tên P (không rõ tên thật, địa chỉ) mua 01 (một) bịch ma túy giá 2.500.000 đồng, đem về phòng trọ số 60-581/61 Nhà trọ cho thuê Ông Tình tại hẻm 174, đường N B K, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cất giấu và để sử dụng dần. Sau khi cùng sử dụng chung ma túy với Dương Tấn K thì Nh phân ra 01 (một) bịch ma túy cho K cất giấu để sử dụng. Vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 20/02/2020, tại phòng trọ số 60-581/61 Nhà trọ cho thuê Ông Tình tại hẻm 174, đường N B K, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang, Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 4 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển phối hợp với Công an phường V Q, thành phố R G kiểm tra bắt quả tang Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K tàng trữ trái phép chất ma túy, nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật; thu giữ trong bóp (ví) da màu đen của Nh để trên đầu giường Nh đang nằm 01 (một) bịch ma túy qua giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,2398 gam; thu giữ trong bóp (ví) màu nâu trong túi quần phía sau bên phải K đang mặc 01 (một) bịch ma túy qua giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,5522 gam. Tổng khối lượng chất ma túy Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K tàng trữ trái phép là 0,7920 gam. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Do đó, hành vi của các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, việc tàng trữ, sử dụng ma túy là tiền đề tạo ra nhiều tệ nạn xấu, đặc biệt là dễ dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến bản thân các bị cáo nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét đánh giá hành vi, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Nh, bị cáo là người đóng vai trò quyết định trong vụ án, là người trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng và đưa ma túy cho K cất giấu

để sử dụng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo K.

+ Đối với bị cáo Huỳnh Tấn K, bị cáo cùng sử dụng ma túy với bị cáo Nh và nhận ma túy từ bị cáo Nh để cất giấu và sử dụng. Do đó, khi hậu quả xảy ra bị cáo phải cùng gánh chịu hậu quả về trách nhiệm hình sự tương xứng với mức độ hành vi của mình gây ra.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nh và K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nh và K đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo Nh, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có thai nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội là phụ nữ có thai" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R G về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông tên P đã bán ma túy cho Nh, chưa xác minh được tên thật, địa chỉ, nhân thân, lý lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý sau, nên HĐXX miễn xét.

Đối với Trương Nhật A có hành vi sử dụng chung ma túy với Nh và K, không biết việc Nh và K có tàng trữ trái phép chất ma túy, không có căn cứ xử lý, nên HĐXX miễn xét.

[9] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) phong bì niêm phong bên ngoài ghi Niêm phong mẫu vật, vụ số: 162/mẫu 01-2020; 162/mẫu 02-2020, ngày 24/02/2020, có chữ ký của giám định viên Lê Đức H và người chứng kiến Võ Ánh L, có dấu mộc đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh Kiên Giang; 02 (hai) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy; 01 (một) cái bóp (ví) màu đen của Huỳnh Thị Ngọc Nh và 01 (một) cái bóp (ví) da màu nâu của Dương Tuấn K. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 71/2020/QĐ-VKS, ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nh và K mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K (Tý) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, n khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Nh 01 năm 06 tháng tù (Một năm sáu tháng tù). Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Tấn K 01 năm tù (Một năm tù). Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/02/2020.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) phong bì niêm phong bên ngoài ghi Niêm phong mẫu vật, vụ số: 162/mẫu 01-2020; 162/mẫu 02-2020, ngày 24/02/2020, có chữ ký của giám định viên Lê Đức H và người chứng kiến Võ Ánh L, có dấu mộc đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh Kiên Giang; 02 (hai) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy; 01 (một) cái bóp (ví) màu đen của Huỳnh Thị Ngọc Nh và 01 (một) cái bóp (ví) da màu nâu của Dương Tuấn K. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 71/2020/QĐ-VKS, ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Nh và Dương Tấn K mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa